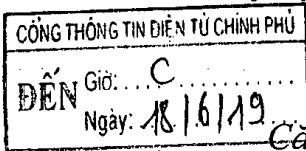


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Luật đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;**Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2018;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề (sau đây gọi tắt là quy hoạch).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

Điều 4. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch

Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch; đánh giá quy hoạch được thực hiện theo Điều 9 Luật Quy hoạch.

Chương II LẬP QUY HOẠCH

Điều 5. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ lập quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch.

2. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng, hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

3. Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

4. Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình hội đồng thẩm định quy hoạch.

5. Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 6. Nhiệm vụ lập quy hoạch

Nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch.
2. Căn cứ lập quy hoạch.
3. Thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch.
4. Quan điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp lập quy hoạch.
5. Thời hạn lập quy hoạch.
6. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách sản phẩm quy hoạch.
7. Chi phí lập quy hoạch.

Điều 7. Thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có ít nhất 09 thành viên, thành phần hội đồng gồm Chủ tịch hội đồng, Phó chủ tịch hội đồng và các thành viên của hội đồng; Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên gia về quy hoạch.

3. Phiên họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

4. Cơ chế ra quyết định của hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết bằng phiếu theo đa số;

b) Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

5. Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Tài liệu khác (nếu có).

6. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

d) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

7. Thời gian hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

8. Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của các thành viên hội đồng và kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Điều 8. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm:

- a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- b) Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo nhiệm vụ lập quy hoạch;
- c) Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;
- d) Tài liệu khác (nếu có).

3. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch;
- b) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;
- c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;
- d) Thời hạn lập quy hoạch;
- đ) Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;
- e) Chi phí lập quy hoạch.

Điều 9. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch.

2. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Yêu cầu về năng lực tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch là tổ chức đã thực hiện việc lập hoặc thẩm tra ít nhất 01 quy hoạch cùng chuyên ngành, có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Chuyên gia tư vấn chủ trì lập nhiệm vụ lập quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành thủy lợi, chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập, có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch.

4. Yêu cầu về năng lực tổ chức tư vấn lập quy hoạch

a) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch là tổ chức có tư cách pháp nhân, đã thực hiện ít nhất 01 quy hoạch cùng chuyên ngành, có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và ít nhất 05 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

b) Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án quy hoạch chuyên ngành phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành thủy lợi, chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập, đã chủ trì lập ít nhất 01 quy hoạch cùng chuyên ngành hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 02 quy hoạch cùng chuyên ngành;

c) Chuyên gia tư vấn chủ trì lập các chuyên đề chính của quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành thủy lợi, chuyên ngành liên quan đến nội dung quy hoạch cần lập và đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 01 quy hoạch cùng chuyên ngành.

5. Yêu cầu về năng lực tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch

a) Tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch là tổ chức đã thực hiện việc thẩm tra ít nhất 01 quy hoạch cùng chuyên ngành, có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Chuyên gia tư vấn chủ trì nhiệm vụ thẩm tra quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành thủy lợi, chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập, có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch.

Điều 10. Nguyên tắc và nội dung quy hoạch

1. Nguyên tắc và nội dung quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

2. Nguyên tắc và nội dung quy hoạch đề điều được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 13 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và Điều 15 Luật đề điều.

3. Nguyên tắc và nội dung quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Điều 11. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch, gồm các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.